

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn và
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Tới,
2. Ông Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Luồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/ TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST-, HNGĐ, ngày 15-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Lệ H, sinh năm: 1994. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Thanh T, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: ấp V, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-7-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Lệ H trình bày:

Chị và anh T tự tìm hiểu sống chung với nhau vào năm 2015 đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có công việc ổn định, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Chị và anh T ly thân từ năm 2017 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Thanh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Tiền T, sinh ngày 04-10-2015. Hiện tại cháu T đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29-7-2019 anh Nguyễn Văn Thanh T trình bày:

Anh T trình bày về cơ sở hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời trình bày của chị H. Do vợ chồng ly thân đã lâu, từ năm 2017 đến nay, và trong suốt quá trình ly thân anh và chị H không hàn gắn được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Hiện tại con chung Nguyễn Tiền T, sinh ngày 04-10-2015 đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết, anh T đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Tiền T, sinh ngày 04-10-2015 cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị Lệ H phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện B, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện B thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2015, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 35/2015 ngày 31-3-2015 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do anh T không có việc làm ổn định, không lo làm ăn, không lo cho gia đình, anh và chị H còn thường xuyên gây gổ cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung tên Nguyễn Tiền T, sinh ngày 04-10-2015. Chị H, anh T thống nhất giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị Lệ H phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Lệ H đối với anh Nguyễn Văn Thanh T. Chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiền T, sinh ngày 04-10-2015 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0022061 ngày 09-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn Thanh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Võ Thị Lệ H có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Thanh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm